

Số: 2190 /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 20 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị,
địa phương thuộc tỉnh trong công tác cải cách hành chính**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong công tác cải cách thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 809/TTr-SNV ngày 05/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh trong công tác cải cách hành chính.

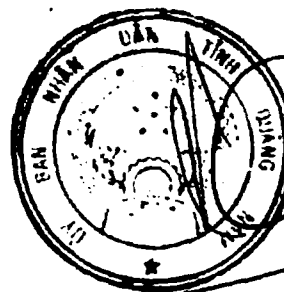
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương
thuộc tỉnh trong công tác cải cách hành chính**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2190 / QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và các hình thức xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và tương đương;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
4. Cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu khi được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành hoặc ủy quyền phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý vi phạm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác cải cách hành chính

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm người đứng đầu:
 - a) Khi xem xét, xác định trách nhiệm của người đứng đầu để đánh giá, phân loại, khen thưởng, hoặc xử lý kỷ luật về công tác cải cách hành chính phải khách quan, đúng người, đúng việc; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan, đơn vị.
 - b) Trong trường hợp người đứng đầu đã làm hết trách nhiệm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm về cải cách hành chính thì được giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm.
2. Xử lý vi phạm của người đứng đầu: Mọi vi phạm được phát hiện, phải xử lý kịp thời. Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu có hành vi vi phạm, được tiến hành công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thẩm quyền đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với công tác cải cách hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo kết quả đánh giá, phân loại về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 5. Trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Trực tiếp hoặc phân công cấp phó chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

2. Bố trí, sử dụng công chức, viên chức hợp lý để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cấp phó và công chức thuộc quyền quản lý giải quyết công việc được giao; không đùn đẩy công việc thuộc thẩm quyền quản lý, trách nhiệm của mình và của cơ quan, đơn vị sang cho người khác, cho cơ quan cấp trên hoặc cơ quan khác.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên nếu để cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý có những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây cản trở, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về giải quyết thủ tục hành chính.

5. Trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về công tác chấm điểm chỉ số cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị theo kế hoạch, hướng dẫn.

6. Tham dự đầy đủ các phiên họp, hội nghị,... liên quan đến công tác cải cách hành chính. Trong trường hợp có lý do đột xuất không tham dự phiên họp thì người đứng đầu cử cấp phó thay mặt cơ quan, đơn vị tham dự.

Điều 6. Trách nhiệm của người trực tiếp lãnh đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Xây dựng chương trình công tác, nội dung thực hiện công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo chương trình, kế hoạch đề ra và một số nhiệm vụ đột xuất theo yêu cầu.

3. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

4. Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của CCVC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; kiểm tra công việc của công chức, viên chức trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định về công bố, công khai, minh bạch thủ tục hành chính và giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm các văn bản ký ban hành liên quan đến lĩnh vực cải cách hành chính.

7. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền về kiểm tra công tác cải cách hành chính; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu chính xác về cải cách hành chính; theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính theo hình thức định kỳ hoặc đột xuất theo phân cấp quản lý.

8. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ việc thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân theo quy định.

Chương III

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 7. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính được thực hiện hằng năm căn cứ vào kết quả thực hiện các nội dung có liên quan tại chương II văn bản này và kết quả xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm, cụ thể như sau.

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu thực hiện tốt các nội dung quy định tại chương II của văn bản này và có kết quả xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80% số điểm trở lên.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu thực hiện tốt một trong các nội dung quy định tại chương II của văn bản này và có kết quả xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70% đến dưới 80% số điểm.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu thực hiện tốt một trong các nội dung quy định tại chương II của văn bản này và có kết quả xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính đạt từ 50% đến dưới 70% số điểm.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Cơ quan, đơn vị không thực hiện các nội dung quy định tại chương II của văn bản này và có kết quả xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 50% số điểm.

Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính làm căn cứ để đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức năm sau liền kề.

Điều 8. Các trường hợp xử lý trách nhiệm và kỷ luật đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu

1. Để cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm các quy định về lĩnh vực cải cách hành chính hoặc để dư luận phản ánh về thái độ, hành vi không đúng chuẩn mực đạo đức công vụ trong lĩnh vực này.

2. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính;

3. Thường xuyên xảy ra tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức liên quan đến cải cách hành chính vượt cấp, kéo dài thời hạn xử lý theo quy định.

4. Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm quy định của nhà nước về cải cách hành chính hoặc bao che cho hành vi vi phạm của cấp dưới thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thiếu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị và hai năm liên tục có kết quả xếp hạng cải cách hành chính loại yếu.

6. Cấp dưới đã báo cáo, xin ý kiến những vấn đề về cải cách hành chính thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không giải quyết theo quy định.

7. Đưa ra ý kiến trái quy định, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí thời gian, ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật.

8. Để cấp phó, người đại diện hoặc người được uỷ quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

Điều 9. Kiểm điểm và phê bình đối với người đứng đầu (hoặc cấp phó người đứng đầu) có hành vi vi phạm một trong các nội dung sau đây:

1. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 4 Điều 7 văn bản này.

2. Để cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm các quy định về lĩnh vực cải cách hành chính hoặc để dư luận phản ánh về thái độ, hành vi không đúng chuẩn mực đạo đức công vụ trong lĩnh vực này.

3. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính;

4. Thường xuyên xảy ra tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức liên quan đến cải cách hành chính vượt cấp, kéo dài thời hạn xử lý theo quy định.

5. Thiếu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị và hai năm liên tục có kết quả xếp hạng cải cách hành chính loại yếu.

6. Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm quy định của nhà nước về cải cách hành chính hoặc bao che cho hành vi vi phạm của cấp dưới thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Xử lý kỷ luật người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người đứng đầu (hoặc cấp phó người đứng đầu) có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đã bị kiểm điểm, phê bình mà tiếp tục vi phạm một trong các nội dung của điều 9 văn bản này.

b) Cấp dưới đã báo cáo, xin ý kiến những vấn đề về cải cách hành chính thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không giải quyết theo quy định.

c) Đưa ra ý kiến trái quy định, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí thời gian, ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người đứng đầu (hoặc cấp phó người đứng đầu) có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trong thời gian bị xử lý kỷ luật khiển trách mà tiếp tục để xảy ra vi phạm một trong các nội dung của điều 10 văn bản này.

b) Để cấp phó hoặc người được uỷ quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm điểm, phê bình và xử lý kỷ luật.

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm điểm, phê bình, xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của người đứng đầu các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hàng năm về cải cách hành chính.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác cải cách hành chính theo quy định.

d) Tổng hợp và đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo quy định.

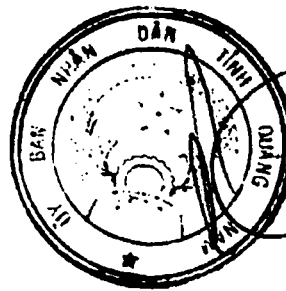
2. Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy định này đảm bảo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của từng cơ quan, đơn vị.

b) Kiểm tra việc thực hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất quá trình triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nội dung nào cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thu